

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 23/02/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV5989284	BÙI TUẤN	ANH	22/08/1999		
2	TA0002	SV5989285	NGUYỄN HẢI	ANH	15/09/1999		
3	TA0003	SV5989286	NGUYỄN THỊ TỐ	ANH	11/11/1999		
4	TA0004	SV5989287	ĐẶNG TUẤN	ANH	08/11/1999		
5	TA0005	SV5989288	NGUYỄN LAN	ANH	29/10/1999		
6	TA0006	SV5989289	ĐỖ THUÝ	ANH	10/10/1999		
7	TA0007	SV5989290	BÙI THỊ MINH	ANH	15/05/1999		
8	TA0008	SV5989291	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	29/08/1999		
9	TA0009	SV5989292	PHẠM CƯỜNG	ANH	17/09/1999		
10	TA0010	SV5989293	THÂN DUY	ANH	18/12/1999		
11	TA0011	SV5989294	NGUYỄN BÁ VIỆT	ANH	14/10/2000		
12	TA0012	SV5989295	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	04/01/1999		
13	TA0013	SV5989296	NGUYỄN THANH	BẮC	04/01/1999		
14	TA0014	SV5989297	HOÀNG QUỐC	BẢO	01/01/1990		
15	TA0015	SV5989298	VŨ QUANG	BÌNH	11/07/1999		
16	TA0016	SV5989299	DƯƠNG THỊ THANH	BÌNH	01/08/2000		
17	TA0017	SV5989300	NGUYỄN THỊ KIM	CẨM	11/11/1977		
18	TA0018	SV5989301	PHẠM VĂN THÀNH	CAO	01/07/2000		
19	TA0019	SV5989302	PHƯƠNG HỮU	CẦU	09/08/1991		
20	TA0020	SV5989303	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂM	15/01/2000		
21	TA0021	SV5989304	CAO VĂN	CHIẾN	08/03/1999		
22	TA0022	SV5989305	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	30/11/2000		
23	TA0023	SV5989306	ĐỖ QUỐC	CHÍNH	29/10/1999		
24	TA0024	SV5989307	NGUYỄN DUY	CHUNG	27/02/1999		
25	TA0025	SV5989308	ĐỖ VĂN	CHƯƠNG	25/07/1999		
26	TA0026	SV5989309	ĐẶNG THÀNH	CÔNG	06/09/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0027	SV5989310	NGUYỄN TIỀN	CÔNG	10/12/1999		
28	TA0028	SV5989311	LƯƠNG VĂN	CƯỜNG	21/11/1999		
29	TA0029	SV5989312	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	25/05/1999		
30	TA0030	SV5989313	NGUYỄN HỒNG	ĐẠI	05/03/1993		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)